

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Biên kịch điện ảnh

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Ngân	Anh	1001	001306053916	Nữ	28/11/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	15.33	8.8	0.00	24.13
2	Lê Hoàng Phương	Mai	1002	034304011708	Nữ	16/08/2004	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	14.67	6.2	0.00	20.87
3	Nguyễn Quỳnh	Anh	1003	019306004963	Nữ	11/11/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	14.00	8.0	0.25	22.25
4	Đinh Trần Ánh	Dương	1006	001301014081	Nữ	19/10/2001	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	6.1	0.00	20.10
5	Bùi Thủy	Hà	1008	001305009539	Nữ	06/05/2005	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.5	0.00	21.50
6	Trần Minh	Hiền	1013	001305005629	Nữ	31/01/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.6	0.00	22.60
7	Lê Kiều Hương	Linh	1017	001306051204	Nữ	17/08/2006	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	7.0	0.00	23.00
8	Nguyễn Khánh	Ly	1020	025306007827	Nữ	08/06/2006	Tp. Việt Trì - Phú Thọ	Kinh		KV2	14.00	8.8	0.25	23.05
9	Nguyễn Bá	Nghĩa	1023	033205007056	Nam	20/03/2005	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	14.00	8.4	0.50	22.90
10	Hoàng Thảo	Nguyên	1024	038305027826	Nữ	06/09/2005	Yên Định - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	14.33	7.9	0.50	22.73
11	Đỗ Yến	Nhi	1026	034305010690	Nữ	04/01/2005	Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	Kinh		KV3	14.00	8.4	0.00	22.40
12	Võ Uyên	Phương	1027	046305011295	Nữ	20/04/2005	Tp. Huế - Thừa Thiên -Huế	Kinh		KV2	14.33	9.7	0.25	24.28
13	Trần Minh	Tâm	1028	079302002405	Nữ	12/08/2002	Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	06	KV3	16.00	7.4	1.00	24.40
14	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	1030	082306008763	Nữ	22/10/2006	Tân Phước - Tiền Giang	Kinh		KV2	14.33	8.7	0.25	23.28
15	Đặng Huyền	Trang	1031	001306036072	Nữ	15/06/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.7	0.00	22.70

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

[Signature]

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

BIỂU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Biên tập truyền hình

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Dương Phương	Anh	1102	010306008788	Nữ	21/04/2006	Tp. Lào Cai - Lào Cai	Hmông	01	KV1	12.33	7.4	2.75	22.48
2	Nguyễn Châu	Anh	1104	001306036834	Nữ	22/07/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	12.67	8.0	0.00	20.67
3	Nguyễn Kiều	Anh	1106	017306000270	Nữ	20/02/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	14.33	9.5	0.00	23.83
4	Nguyễn Minh	Anh	1107	031306013249	Nữ	02/10/2006	Tiên Lãng - Hải Phòng	Kinh		KV2	13.00	8.7	0.25	21.95
5	Nguyễn Ngọc	Anh	1108	001305011854	Nữ	07/12/2005	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	12.67	9.2	0.00	21.87
6	Nguyễn Phương	Anh	1109	035306002764	Nữ	13/09/2006	Lý Nhân - Hà Nam	Kinh		KV2	12.33	8.4	0.25	20.98
7	Nguyễn Thị Vân	Anh	1110	001302007687	Nữ	01/12/2002	Đông Anh - Hà Nội	Kinh		KV2	12.33	7.8	0.25	20.38
8	Nguyễn Tuyết	Anh	1111	231306005009	Nữ	29/09/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.33	8.2	0.00	21.53
9	Trần Nguyễn Linh	Chi	1117	030306000079	Nữ	19/03/2006	Tứ Kỳ - Hải Dương	Kinh		KV2-NT	13.33	8.6	0.50	22.43
10	Vũ Thị Mỹ	Duyên	1119	031304016354	Nữ	27/02/2004	Tiên Lãng - Hải Phòng	Kinh		KV2	10.67	6.8	0.25	17.72
11	Triệu Gia	Hân	1120	001306006666	Nữ	14/09/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	12.67	8.5	0.00	21.17
12	Dương Gia	Huy	1121	001206087733	Nam	10/01/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	12.00	9.0	0.00	21.00
13	Nguyễn Khánh	Linh	1125	038306029430	Nữ	14/01/2006	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2	12.00	9.0	0.25	21.25
14	Tăng Diệu	Linh	1127	024306000520	Nữ	13/11/2006	Thanh Xuân - Hà Nội	Nùng	06	KV3	12.00	8.8	1.00	21.80
15	Hoàng Thị Phương	Ly	1128	001306061219	Nữ	30/04/2006	Ba Vì - Hà Nội	Kinh		KV2	12.00	8.1	0.25	20.35
16	Lê Nguyễn Trà	My	1130	044305002526	Nữ	31/12/2005	Quảng Trạch - Quảng Bình	Kinh		KV2-NT	11.00	7.9	0.50	19.40
17	Ngô Thị Thúy	Nga	1132	022304006025	Nữ	26/07/2004	Tx. Quảng Yên - Quảng Ninh	Kinh		KV2	11.00	7.5	0.25	18.75
18	Mai Tuấn	Nguyễn	1134	045205000166	Nam	14/01/2006	Tp. Đông Hà - Quảng Trị	Kinh		KV2	13.67	8.5	0.25	22.42
19	Đặng Châu	Nhi	1135	001306008565	Nữ	29/10/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	11.33	8.3	0.00	19.63

20	Nguyễn Thị Anh	Thư	1139	038306002130	Nữ	04/10/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	12.33	8.5	0.00	20.83
21	Nguyễn Thị	Thương	1140	040306022399	Nữ	23/01/2006	Đô Lương - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	11.33	9.5	0.50	21.33
22	Quách Võ Bảo	Trâm	1141	079301027408	Nữ	19/08/2001	Hóc Môn - Tp. Hồ Chí Minh	Kinh		KV2	12.33	7.5	0.25	20.08
23	Phạm Thanh	Trúc	1143	022305000085	Nữ	03/01/2005	Tp. Móng Cái - Quảng Ninh	Kinh		KV1	13.00	9.2	0.75	22.95

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



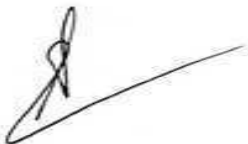
* HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn điện ảnh

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Trọng	Anh	1201	001206016068	Nam	18/06/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	14.17	7.3	0.00	21.47
2	Nguyễn Phương	Anh	1204	001304025634	Nữ	05/10/2004	Hà Đông - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.0	0.00	21.50
3	Nguyễn Phạm Ngọc	Ánh	1205	022306011209	Nữ	23/08/2006	Tx. Đông Triều - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.33	8.1	0.25	21.68
4	Phạm Nguyễn An	Bình	1207	033205007290	Nam	01/05/2005	Khoái Châu - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	16.00	7.8	0.50	24.30
5	Phí Việt	Đức	1208	030203011306	Nam	28/04/2003	An Dương - Hải Phòng	Kinh		KV2-NT	14.00	6.7	0.50	21.20
6	Trần Đình	Dũng	1210	022206011458	Nam	15/12/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.00	7.9	0.25	21.15
7	Trần Phạm Thái	Lai	1217	001204027549	Nam	01/01/2004	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	14.83	9.2	0.00	24.03
8	Nguyễn Bảo	Lân	1219	001206010467	Nam	16/07/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.8	0.00	21.80
9	Nguyễn Trang	Linh	1222	024306009904	Nữ	31/01/2006	Tp. Nha Trang - Khánh Hoà	Kinh		KV2	14.67	8.1	0.25	23.02
10	Phạm Văn	Mạnh	1225	001205039262	Nam	01/05/2005	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	7.0	0.25	20.25
11	Nguyễn Đức	Minh	1227	004206000550	Nam	31/03/2006	Tp. Cao Bằng - Cao Bằng	Nùng	01	KV1	14.33	5.9	2.75	22.98
12	Nguyễn Hồng	Minh	1228	001303023205	Nữ	03/11/2003	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	14.67	8.3	0.00	22.97
13	Vũ Hoàng Tuyết	Ngân	1229	031306005022	Nữ	23/06/2006	Đồ Sơn - Hải Phòng	Kinh		KV3	12.67	8.5	0.00	21.17
14	Hoàng Minh	Tâm	1232	001199007699	Nữ	01/11/1999	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.9	0.00	22.90
15	Đoàn Duy	Tùng	1237	030200006927	Nam	14/10/2000	Thanh Miện - Hải Dương	Kinh		KV2-NT	13.17	7.0	0.50	20.67

NGƯỜI LẬP BIỂU


Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH


TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn truyền hình

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
										Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Phan Trung An	1301	001202009461	Nam	02/10/2002	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV2	13.67	8.0	0.25	21.92
2	Đỗ Thị Vân Anh	1302	031304003705	Nữ	02/01/2004	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Kinh		KV2	11.00	8.5	0.25	19.75
3	Phạm Minh Dương	1303	035203000695	Nam	25/09/2003	Tp. Nam Định - Nam Định	Kinh		KV2	12.33	8.1	0.25	20.68
4	Đinh Tiến Đạt	1304	001099016982	Nam	20/10/1999	Thường Tín - Hà Nội	Kinh		KV2	14.67	8.3	0.25	23.22
5	Đàm Như Mai	1305	006306000028	Nữ	17/12/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Tây	06	KV2	15.33	8.3	1.25	24.88
6	Phạm Quang Minh	1306	001205057652	Nam	18/07/2005	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	11.67	8.3	0.00	19.97
7	Nguyễn Đăng Minh	1308	001206018216	Nam	29/09/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	11.33	8.2	0.00	19.53
8	Phạm Anh Phương	1309	001306053301	Nữ	20/05/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	12.00	8.8	0.00	20.80
9	Nguyễn Minh Quang	1310	001206003687	Nam	29/07/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	7.3	0.00	20.30
10	Bùi Quang Thuận	1312	037206001660	Nam	01/03/2006	Yên Khánh - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	13.67	6.8	0.50	20.97
11	Nguyễn Thùy Tiên	1313	001306011874	Nữ	24/12/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	15.67	8.0	0.00	23.67
12	Thân Thị Trà	1314	024306013292	Nữ	10/01/2006	Tx. Việt Yên - Bắc Giang	Kinh		KV2-NT	13.33	8.0	0.50	21.83
13	Nguyễn Hồng Tươi	1315	037304003498	Nữ	16/09/2004	Hoa Lư - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	11.00	7.5	0.50	19.00

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn, sản xuất nội dung số

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Bùi Phan	Anh	1401	001206029525	Nam	08/08/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	12.67	7.8	0.00	20.47
2	Lương Quốc	Anh	1402	001200016807	Nam	23/04/2000	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	12.00	6.5	0.00	18.50
3	Phạm Hùng	Cường	1404	079206033164	Nam	08/12/2006	Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh	Kinh		KV3	12.00	7.1	0.00	19.10
4	Nguyễn Tiến	Dũng	1406	001090050857	Nam	05/09/1990	Mê Linh - Hà Nội	Kinh		KV2	11.67	6.0	0.25	17.92
5	Nguyễn Mạnh	Hung	1407	001206014624	Nam	15/07/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	12.33	6.3	0.00	18.63
6	Nguyễn Bội	Quỳnh	1410	001306054065	Nữ	12/03/2006	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.6	0.00	22.60
7	Phí Đức	Thắng	1411	001206033140	Nam	19/06/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	7.5	0.00	20.50
8	Đoàn Thị Thanh	Thảo	1412	031304012606	Nữ	14/09/2004	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Kinh		KV3	12.67	8.2	0.00	20.87
9	Lê Quang	Tiến	1413	001205014031	Nam	24/01/2005	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	10.00	8.3	0.00	18.30

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Quay phim điện ảnh

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Huy	Anh	1503	014206003477	Nam	13/12/2006	Mộc Châu - Sơn La	Thái	01	KV1	14.00	7.2	2.75	23.95
2	Hồ Lê Hải	Đăng	1504	031203003666	Nam	10/12/2003	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	6.2	0.00	19.20
3	Nguyễn Duy	Đăng	1505	001206035145	Nam	01/08/2006	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh		KV2	13.25	8.8	0.25	22.30
4	Trần Trung	Đức	1507	037206004482	Nam	10/04/2006	Hoa Lư - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	13.25	8.0	0.50	21.75
5	Nguyễn Việt	Hoàng	1510	014206000797	Nam	21/08/2006	Mộc Châu - Sơn La	Kinh		KV1	12.50	6.8	0.75	20.05
6	Trần Mạnh	Khang	1513	001206040106	Nam	30/07/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	12.00	7.4	0.00	19.40
7	Nguyễn Duy	Kiên	1514	001202001209	Nam	09/01/2002	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	13.75	6.8	0.00	20.55
8	Lê Đặng Minh	Kim	1515	001204020546	Nam	05/07/2004	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.3	0.00	21.80
9	Tạ Đức	Lộc	1516	015206000370	Nam	24/02/2006	Tp. Yên Bái - Yên Bái	Kinh		KV1	13.25	7.5	0.75	21.50
10	Nguyễn Tuyết	Mai	1517	025306012481	Nữ	25/03/2006	Tp. Việt Trì - Phú Thọ	Kinh		KV2	13.75	8.0	0.25	22.00
11	Lê Đình	Mạnh	1518	038206028181	Nam	04/05/2006	Triệu Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	12.25	7.5	0.50	20.25
12	Tạ Đình Khôi	Nguyên	1523	001205004870	Nam	09/07/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.25	6.2	0.00	19.45
13	Lê Hồng	Phúc	1525	037206000004	Nam	02/02/2006	Hoa Lư - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	12.50	8.1	0.50	21.10
14	Đỗ Mạnh	Dương	1526	001204031700	Nam	08/12/2004	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV2	13.75	8.0	0.25	22.00
15	Đỗ Nhật	Quang	1527	001206031163	Nam	27/08/2006	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	12.00	8.1	0.00	20.10
16	Nguyễn Tiến	Quyết	1529	027205011056	Nam	21/10/2005	Tx. Từ Sơn - Bắc Ninh	Kinh		KV2	15.00	8.7	0.25	23.95
17	Hà Thái	Sơn	1531	040206001321	Nam	21/07/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.3	0.00	22.30
18	Đỗ Trung	Thành	1534	025204000736	Nam	11/06/2004	Phù Ninh - Phú Thọ	Kinh		KV2	13.75	7.2	0.25	21.20
19	Nguyễn Minh Sơn	Tùng	1537	001206021349	Nam	30/11/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.25	7.2	0.00	20.45
20	Hoàng Phú	Cường	1538	038206030165	Nam	21/11/2006	Quảng Xương - Thanh Hóa	Kinh		KV2-NT	13.00	5.7	0.50	19.20

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
HÀ NỘI

* HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Quay phim truyền hình

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đôi tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Vũ Quang	Bách	1601	001206001987	Nam	02/01/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.0	0.00	21.00
2	Nguyễn Công	Chí	1602	025203010027	Nam	01/08/2003	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh		KV1	14.00	6.5	0.75	21.25
3	Đỗ Văn	Duy	1604	001206076768	Nam	24/08/2006	Phúc Thọ - Hà Nội	Kinh		KV2	12.00	6.8	0.25	19.05
4	Lương Viết	Hiếu	1607	038205016762	Nam	04/08/2005	Tp. Sầm Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2	10.75	8.7	0.25	19.70
5	Hoàng Xuân	Hữu	1609	025206005788	Nam	19/10/2006	Hạ Hòa - Phú Thọ	Kinh		KV1	11.00	6.6	0.75	18.35
6	Trần Quang	Huy	1610	037206006156	Nam	07/12/2006	Tp. Ninh Bình - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	12.00	8.6	0.50	21.10
7	Đỗ Bảo	Khánh	1611	001206004711	Nam	02/12/2006	Đồng Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	7.9	0.00	21.40
8	Nguyễn Đăng Đăng	Khôi	1612	001206027252	Nam	12/04/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.2	0.00	22.20
9	Công Lê Tuấn	Kiệt	1613	001206003036	Nam	25/04/2006	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.0	0.00	21.50
10	Nguyễn Văn	Lợi	1614	001205037908	Nam	14/03/2005	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	7.6	0.25	21.85
11	Nguyễn Hoàng	Long	1615	033206005739	Nam	26/08/2006	Văn Lâm - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	12.75	8.7	0.50	21.95
12	Vũ Hoàng	Nam	1616	001206015581	Nam	25/03/2006	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.5	0.00	22.00
13	Kiều Tuấn	Phong	1618	001206070362	Nam	30/01/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	13.75	7.3	0.00	21.05
14	Nguyễn Hải	Son	1619	015206002332	Nam	24/07/2006	Văn Bàn - Lào Cai	Kinh		KV1	13.00	8.8	0.75	22.55
15	Nguyễn Công	Thành	1620	040206001297	Nam	16/08/2006	Tp. Vinh - Nghệ An	Kinh		KV2	12.00	9.5	0.25	21.75

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh nghệ thuật

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Duy	Anh	1702	001203010457	Nam	04/09/2003	Đông Anh - Hà Nội	Kinh		KV2	13.50	6.6	0.25	20.35
2	Phạm Ngọc	Ánh	1704	022306008599	Nữ	07/04/2006	Tx. Quảng Yên - Quảng Ninh	Kinh		KV1	15.50	8.0	0.75	24.25
3	Trần Thị Linh	Đan	1707	042306009914	Nữ	19/05/2006	Tp. Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	Kinh		KV2	12.00	8.0	0.25	20.25
4	Bùi Quốc	Đạt	1709	038206017585	Nam	13/10/2006	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2	12.00	9.4	0.25	21.65
5	Châu Lê Thùy	Dương	1710	022306003555	Nữ	16/06/2006	Văn Đồn - Quảng Ninh	Kinh		KV2-NT	11.00	9.2	0.50	20.70
6	Phạm	Duy	1711	001206038382	Nam	20/09/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	11.50	8.1	0.00	19.60
7	Nguyễn Trường	Giang	1712	001206024470	Nam	21/12/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	11.00	8.2	0.00	19.20
8	Nguyễn Minh	Hoàng	1715	014206004217	Nam	01/04/2006	Tp. Sơn La - Sơn La	Kinh		KV1	15.00	6.3	0.75	22.05
9	Phùng Quốc	Hưng	1717	036206030635	Nam	02/10/2006	Tp. Nam Định - Nam Định	Kinh		KV2	14.00	8.1	0.25	22.35
10	Nguyễn Thanh	Huyền	1718	024306000022	Nữ	27/08/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	9.6	0.00	25.10
11	Đào Duy	Khánh	1720	079206004141	Nam	23/03/2006	Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh	Kinh		KV3	14.50	6.4	0.00	20.90
12	Trần Vũ	Long	1724	030206010191	Nam	17/08/2006	Tp. Hải Dương - Hải Dương	Kinh		KV2	12.00	8.3	0.25	20.55
13	Trương Đức	Mạnh	1727	031206018330	Nam	09/01/2006	Lê Chân - Hải Phòng	Kinh		KV3	13.00	8.8	0.00	21.80
14	Lê Quang	Minh	1728	031206017695	Nam	03/10/2006	Kiến An - Hải Phòng	Kinh		KV3	13.50	8.2	0.00	21.70
15	Lê Quang	Minh	1729	042206005034	Nam	22/02/2006	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Kinh		KV2-NT	12.00	8.0	0.50	20.50
16	Nguyễn Thành	Nam	1733	037200007167	Nam	12/03/2000	Yên Khánh - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	11.00	5.9	0.50	17.40
17	Vũ Thị Như	Quỳnh	1737	027302009637	Nữ	19/10/2002	Tx. Từ Sơn - Bắc Ninh	Kinh		KV2	13.00	7.0	0.25	20.25
18	Nguyễn Hà	Sơn	1739	024205006445	Nam	29/03/2005	Lạng Giang - Bắc Giang	Kinh		KV1	11.50	7.1	0.75	19.35
19	Mai Công	Tâm	1741	038206022026	Nam	22/06/2006	Tp. Sầm Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2	14.00	7.2	0.25	21.45
20	Nguyễn Viết Tuấn	Thành	1743	001206024983	Nam	21/11/2006	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.50	7.6	0.00	22.10

21	Lê Hữu	Tính	1744	046205012411	Nam	23/09/2005	Phú Vang - Thừa Thiên - Huế	Kinh		KV2-NT	12.00	7.2	0.50	19.70
22	Nguyễn Hà	Trang	1745	022302003102	Nữ	28/05/2002	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.00	7.3	0.25	20.55
23	Nguyễn Khắc	Trung	1746	001206023256	Nam	07/08/2006	Đan Phượng - Hà Nội	Kinh		KV2	14.50	8.2	0.25	22.95
24	Vũ Ngọc	Tú	1747	031206000713	Nam	13/02/2006	An Dương - Hải Phòng	Kinh		KV2	12.00	7.4	2.75	22.15
25	Lại Minh	Yến	1751	001304007203	Nữ	04/04/2004	Đông Anh - Hà Nội	Kinh		KV2	15.50	8.0	0.25	23.75

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh báo chí

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Nhật	Minh	1801	022206001669	Nam	17/04/2006	Tp. Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.00	7.8	0.25	21.05
2	Lê Văn	Bắc	1802	001206077476	Nam	02/04/2006	Mê Linh - Hà Nội	Kinh		KV2	13.50	5.5	0.25	19.25
3	Hoàng Lê	Duy	1803	036203000104	Nam	01/07/2003	Tp. Nam Định - Nam Định	Kinh		KV2	13.50	8.7	0.25	22.45
4	Vũ Đình	Hiếu	1804	022206004210	Nam	05/09/2006	Tp. Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.00	7.3	0.25	20.55
5	Nguyễn Quốc	Hoàn	1805	001206000044	Nam	02/02/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	9.1	0.00	22.10
6	Hoàng Quang	Huy	1807	001205057396	Nam	31/08/2005	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	10.50	7.5	0.25	18.25
7	Vũ Hà	Linh	1808	001306023531	Nữ	25/01/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	7.7	0.00	21.20
8	Võ Hoài	Nam	1809	040206019015	Nam	06/07/2006	Nam Đàn - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	9.00	6.8	0.50	16.30
9	Nguyễn Bích	Ngọc	1810	010306000617	Nữ	28/05/2006	Tân Lạc - Hoà Bình	Kinh		KV1	14.00	8.4	0.75	23.15
10	Nguyễn Thị	Nhi	1811	001306006038	Nữ	23/08/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	9.50	7.9	0.25	17.65
11	Lương Đức	Thiện	1814	002204001967	Nam	14/05/2004	Tp. Hà Giang - Hà Giang	Kinh		KV1	9.00	6.5	0.75	16.25
12	Lê Bảo	Tú	1816	001206013277	Nam	25/06/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.0	0.00	21.00

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Tạ Vũ Thuận	An	1901	034206015774	Nam	21/09/2006	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh		KV2-NT	13.00	8.6	0.50	22.10
2	Hà Việt	Anh	1902	001206081474	Nam	23/02/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.6	0.00	22.10
3	Lê Thị Phương	Anh	1903	038306002775	Nữ	28/10/2006	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2	14.00	9.1	0.25	23.35
4	Tô Mai	Anh	1904	034306013556	Nữ	28/06/2006	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh		KV2-NT	14.50	9.0	0.50	24.00
5	Lương Vũ Ngọc	Ánh	1906	036306005642	Nữ	17/10/2006	Hải Hậu - Nam Định	Kinh		KV2-NT	15.00	8.2	0.50	23.70
6	Lê Trung Hải	Dương	1910	038206026476	Nam	01/03/2006	Tp. Sầm Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2	11.00	6.6	0.25	17.85
7	Phạm Hoàng	Duy	1911	034206012505	Nam	02/04/2006	Tp. Thái Bình - Thái Bình	Kinh		KV2	12.00	8.0	0.25	20.25
8	Bùi Đức	Hiệp	1912	022206001244	Nam	09/01/2006	Tp. Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh		KV1	11.50	6.4	0.75	18.65
9	Nguyễn Danh	Hiếu	1913	030206018020	Nam	20/10/2006	Tp. Hải Dương - Hải Dương	Kinh		KV2	11.50	8.0	0.25	19.75
10	Hà Đình	Hoàng	1914	022206001658	Nam	05/12/2006	Tp. Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh		KV2	11.00	7.2	0.25	18.45
11	Trần Đỗ Nhật	Hoàng	1916	001206028964	Nam	28/11/2006	Hải Bà Trung - Hà Nội	Kinh		KV2	15.50	7.3	0.25	23.05
12	Lưu Thanh	Hương	1917	001304019707	Nữ	16/08/2004	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh		KV2	12.50	7.0	0.25	19.75
13	Ngô Thị	Huyền	1918	001306006136	Nữ	11/07/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	13.50	8.5	0.25	22.25
14	Nguyễn	Khánh	1919	040206002641	Nam	21/01/2006	Nam Đàn - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	14.00	8.6	0.50	23.10
15	Lê Hoài	Linh	1921	022306004825	Nữ	04/06/2006	Tp. Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh		KV2	12.00	8.8	0.25	21.05
16	Nguyễn Công Quyền	Linh	1922	231206005125	Nam	27/09/2006	Đô Lương - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	11.00	6.7	0.50	18.20
17	Nguyễn Tú	Linh	1923	001304039603	Nữ	19/07/2004	Đồng Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	12.50	8.4	0.00	20.90
18	Đặng Bảo	Minh	1924	024306000367	Nữ	17/09/2006	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	11.00	7.1	0.25	18.35
19	Từ Trà	My	1925	042306000606	Nữ	12/08/2006	Tp. Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	Kinh		KV2	14.00	8.7	0.25	22.95

20	Phạm Hoàng	Mỹ	1926	001305017731	Nữ	07/01/2005	Đông Anh - Hà Nội	Kinh		KV2	14.50	8.2	0.25	22.95
21	Phạm Minh	Quân	1928	035204002422	Nam	04/11/2004	Thanh Liêm - Hà Nam	Kinh		KV2-NT	14.00	7.0	0.50	21.50
22	Vũ Như	Quỳnh	1929	027306002370	Nữ	22/06/2006	Tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh	Kinh		KV2	13.00	6.7	0.25	19.95
23	Nguyễn Minh	Trí	1932	001206022729	Nam	19/02/2006	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	11.00	7.4	0.00	18.40

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ANH
HÀ NỘI
HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Công nghệ dựng phim

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Toán	Ưu tiên	
1	Nguyễn Đức	Anh	2001	001206004576	Nam	24/11/2006	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	6.9	0.00	20.40
2	Nguyễn Phương	Anh	2002	025302007873	Nữ	01/01/2002	Lâm Thao - Phú Thọ	Kinh		KV2-NT	16.00	8.9	0.50	25.40
3	Đặng Thành	Đạt	2003	001206014626	Nam	21/03/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.4	1.25	23.65
4	Vũ Văn	Đạt	2004	001206013406	Nam	22/03/2006	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.6	0.00	21.60
5	Phương Đức	Duy	2006	001205015660	Nam	09/12/2005	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	8.7	0.00	24.20
6	Lê Hoàng	Hải	2007	001206010106	Nam	15/07/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	7.9	0.00	22.90
7	Trương Duy	Hiếu	2008	001206014915	Nam	10/09/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.6	0.00	21.60
8	Ngô Bích	Hòa	2009	015306000322	Nữ	10/04/2006	Tp. Yên Bái - Yên Bái	Kinh		KV1	15.50	9.1	0.75	25.35
9	Nguyễn Thị	Hồng	2010	035306006769	Nữ	01/01/2006	Tp. Phú Lý - Hà Nam	Kinh		KV2	15.00	9.4	0.25	24.65
10	Đỗ Ngọc	Huy	2011	001206009618	Nam	23/02/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.6	0.00	22.10
11	Hoàng Tuấn	Huy	2012	026206009395	Nam	14/12/2006	Tp. Việt Trì - Phú Thọ	Kinh		KV2	13.00	6.3	0.25	19.55
12	Đặng Nguyễn Khánh	Linh	2014	001306014371	Nữ	02/09/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	8.1	0.00	23.10
13	Ngô Lâm	Nhi	2017	001306004290	Nữ	31/08/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	8.8	0.00	23.80
14	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	2018	037306006528	Nữ	07/10/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	9.2	0.00	24.20
15	Nguyễn Thu	Trang	2019	001306025037	Nữ	22/06/2006	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	8.4	0.00	23.90
16	Trần Quốc	Trung	2020	022203001677	Nam	24/01/2003	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	14.00	6.4	0.25	20.65
17	Nguyễn Trí	Vinh	2021	001206001630	Nam	17/04/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	14.50	7.1	0.00	21.60
18	Phạm Đoàn Anh	Vũ	2022	022205000132	Nam	15/01/2005	Tp. Móng Cái - Quảng Ninh	Kinh		KV2	12.00	6.5	0.25	18.75
19	Đàm Quốc	Vượng	2023	040205026153	Nam	31/12/2005	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	13.50	6.0	0.50	20.00
20	Bùi Quỳnh	Giao	2024	001306036240	Nữ	05/08/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	13.50	8.6	0.00	22.10
21	Lê Minh	Đăng	2025	001206079315	Nam	18/03/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	5.8	0.00	19.80

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

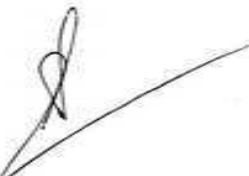
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Phương	Anh	3004	001306034750	Nữ	10/02/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	6.6	0.00	20.60
2	Nguyễn Bá Tuấn	Anh	3011	001206006040	Nam	25/09/2006	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	8.2	0.25	22.45
3	Nguyễn Đoàn Trung	Anh	3013	001206040310	Nam	12/09/2006	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	8.4	0.25	21.65
4	Nguyễn Hà	Anh	3014	031304006087	Nữ	21/07/2004	Lê Chân - Hải Phòng	Kinh		KV3	14.00	5.9	0.00	19.90
5	Nguyễn Phương Ngọc	Anh	3017	231306005118	Nữ	24/11/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.0	0.00	22.00
6	Trần Hoàng	Anh	3025	035205007500	Nam	20/04/2005	Bình Lục - Hà Nam	Kinh		KV2	14.00	8.5	0.25	22.75
7	Hoàng Việt	Bách	3032	001206001205	Nam	15/03/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	6.3	0.00	19.30
8	Vũ Gia	Bảo	3038	020206000605	Nam	02/02/2006	Tp. Lạng Sơn - Lạng Sơn	Kinh		KV1	14.00	6.5	0.75	21.25
9	Đỗ Mạnh	Cường	3047	031205020074	Nam	15/10/2005	Hoa Lư - Ninh Bình	Kinh		KV2	13.00	7.2	0.25	20.45
10	Nguyễn Bá	Đại	3048	001205002633	Nam	19/07/2005	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.1	0.00	21.10
11	Nguyễn Ngọc Tuệ	Đan	3050	040306022983	Nữ	02/09/2006	Thanh Chương - Nghệ An	Kinh		KV2-NT	14.00	8.6	0.50	23.10
12	Mua Phương	Hà	3080	002306001150	Nữ	15/11/2006	Yên Minh - Hà Giang	Hmông	01	KV1	13.00	6.5	2.75	22.25
13	Nguyễn Hoàng	Hải	3088	001206009016	Nam	04/09/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.1	0.00	22.10
14	Lê Minh	Hoàng	3095	038205015299	Nam	20/10/2005	Thọ Xuân - Thanh Hoá	Kinh		KV2	14.00	6.6	0.25	20.85
15	Nguyễn Văn	Hùng	3102	001206003704	Nam	29/08/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	7.6	0.25	20.85
16	Nguyễn Văn	Huy	3109	026206000383	Nam	25/08/2006	Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Kinh		KV2-NT	13.00	8.1	0.50	21.60
17	Đặng Gia	Khánh	3118	001206013157	Nam	28/09/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.1	0.00	22.10
18	Lê Gia	Khánh	3120	036206025534	Nam	22/02/2006	Tp. Nam Định - Nam Định	Kinh		KV2	14.00	8.2	0.25	22.45
19	Hoàng Tùng	Lâm	3129	001201020603	Nam	03/10/2001	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.2	0.00	21.20
20	Lê Thị Khánh	Linh	3135	038305003166	Nữ	21/08/2005	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	14.00	7.0	0.50	21.50
21	Lục Hoàng	Linh	3137	002306005362	Nữ	21/08/2006	Đông Văn - Hà Giang	Giáy	01	KV1	13.00	7.6	2.75	23.35
22	Bùi Xuân	Mai	3150	015304002959	Nữ	12/10/2004	Tp. Yên Bái - Yên Bái	Kinh		KV1	13.00	7.8	0.75	21.55
23	Phạm Ngọc	Mai	3151	001306015441	Nữ	30/11/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	7.6	0.00	20.60
24	Phùng Ngọc	Mai	3152	019306001616	Nữ	27/03/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	13.00	8.6	0.25	21.85

25	Trần Hồng	Mai	3153	014306002931	Nữ	24/06/2006	Tp. Sơn La - Sơn La	Kinh		KV1	14.00	8.1	0.75	22.85
26	Hà Thế	Mạnh	3155	025206006964	Nam	08/07/2006	Tp. Việt Trì - Phú Thọ	Kinh		KV2	13.00	7.7	0.25	20.95
27	Đoàn Bảo	Ngọc	3165	037206002508	Nam	03/04/2006	Yên Khánh - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	14.00	6.0	0.50	20.50
28	Mai Tú	Ngọc	3166	010306000518	Nữ	01/12/2006	Bắc Hà - Lào Cai	Kinh		KV1	13.00	7.7	0.75	21.45
29	Nguyễn Thảo	Nguyễn	3172	033306000194	Nữ	26/11/2006	Tp. Hưng Yên - Hưng Yên	Kinh		KV2	13.00	8.9	0.25	22.15
30	Phạm Huyền	Nhi	3177	015306003301	Nữ	24/01/2006	Văn Chấn - Yên Bái	Thái	06	KV2	14.00	8.1	1.25	23.35
31	Nguyễn Hồng	Phi	3178	001206073283	Nam	11/06/2006	Đồng Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.5	0.00	21.50
32	Nguyễn Trung	Quốc	3187	001205005759	Nam	11/06/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.2	0.00	21.20
33	Nguyễn Hòa Tú	Quyên	3190	036306015051	Nữ	31/05/2006	Tp. Nam Định - Nam Định	Kinh		KV2	13.00	7.8	0.25	21.05
34	Đoàn Ly	Sa	3193	044304007989	Nữ	17/02/2004	Mình Hóa - Quảng Bình	Kinh		KV1	13.00	7.2	0.75	20.95
35	Võ Văn	Thành	3202	014206008917	Nam	24/02/2006	Mộc Châu - Sơn La	Kinh		KV1	14.00	7.9	0.75	22.65
36	Hoàng Lê Minh	Trang	3218	001305008292	Nữ	23/10/2005	Tx. Sơn Tây - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	7.4	0.25	20.65
37	Vũ Thu	Uyên	3246	001303030148	Nữ	29/04/2003	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	6.0	0.00	20.00
38	Hoàng Quốc	Việt	3251	001205013690	Nam	15/01/2005	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	6.9	0.00	19.90
39	Trần Đình	Vũ	3253	001206072728	Nam	18/08/2006	Tx. Sơn Tây - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	7.6	0.00	20.60
40	Nguyễn Thị Hải	Yến	3261	001305057351	Nữ	01/05/2005	Mê Linh - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	7.4	0.25	20.65

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU


Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH


TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên nhạc kịch

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Quách Thị Lan	Anh	2901	037306004119	Nữ	02/06/2006	Nho Quan - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	14.00	9.0	0.50	23.50
2	Chu Thị Ngọc	Ánh	2902	001306014200	Nữ	25/02/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV2	14.67	8.4	0.25	23.32
3	Đào Thị	Dịu	2903	031306008857	Nữ	26/04/2006	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Kinh		KV2	12.00	8.8	0.25	21.05
4	Hoa Quốc	Hậu	2904	040203021042	Nam	07/03/2003	Kỳ Sơn - Nghệ An	Khơ mú	06	KV2	14.33	8.1	1.25	23.68
5	Nguyễn Việt	Hung	2906	014206002411	Nam	20/11/2006	Thuận Châu - Sơn La	Kinh		KV1	13.00	6.2	0.75	19.95
6	Nguyễn Ngọc	Như	2910	027303003486	Nữ	10/03/2003	Thuận Thành - Bắc Ninh	Kinh		KV2-NT	15.00	8.1	0.50	23.60
7	Chu Thúy	Quỳnh	2912	019305002216	Nữ	26/01/2005	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	14.67	7.7	0.25	22.62
8	Bùi Thanh	Thủy	2914	008306003799	Nữ	25/04/2006	Sơn Dương - Tuyên Quang	Kinh		KV1	13.33	8.1	0.75	22.18
9	Cao Thanh	Thủy	2915	038302009875	Nữ	05/04/2002	Tp. Sầm Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2	16.00	6.1	0.25	22.35
10	Lò Quốc	Vượng	2916	011205002120	Nam	11/03/2005	Tuần Giáo - Điện Biên	Thái	01	KV1	14.00	6.8	2.75	23.55

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn âm thanh ánh sáng sân khấu

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
										Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Thành An	2101	001206008638	Nam	25/01/2006	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	7.7	0.25	20.95
2	Nguyễn Quang Anh	2102	001206028683	Nam	15/07/2006	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	5.4	0.00	21.40
3	Trần Trung Đức	2105	001206017268	Nam	06/10/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	7.7	0.00	22.70
4	Nguyễn Quang Duy	2106	001205024261	Nam	16/04/2005	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	15.25	7.4	0.00	22.65
5	Bùi Nho Hưng	2108	001205008452	Nam	03/06/2005	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	6.3	0.25	19.55
6	Lê Anh Quân	2112	001206008785	Nam	18/09/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	12.25	7.8	0.00	20.05
7	Nguyễn Việt Thanh	2113	001203034448	Nam	28/08/2003	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	13.25	7.5	0.00	20.75
8	Nguyễn Trọng Tiến	2114	038206005795	Nam	17/01/2006	Hậu Lộc - Thanh Hoá	Kinh		KV3	13.00	6.1	0.00	19.10
9	Lê Anh Tuấn	2115	001097009956	Nam	05/11/1997	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV2	12.00	5.0	0.25	17.25
10	Trần Toàn Thắng	2116	001205009752	Nam	12/11/2005	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.5	0.00	21.50

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn sự kiện lễ hội

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Hiền	Anh	2201	001306004328	Nữ	02/08/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	8.4	0.00	24.40
2	Nguyễn Phương Quỳnh	Anh	2202	001305007994	Nữ	23/03/2005	Đông Anh - Hà Nội	Kinh		KV2	15.50	7.0	0.25	22.75
3	Phạm Ngọc	Anh	2203	001306016467	Nữ	23/06/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.3	0.00	23.80
4	Vũ Việt	Đức	2206	024206014285	Nam	13/06/2006	Yên Dũng - Bắc Giang	Kinh		KV2-NT	16.50	8.1	0.50	25.10
5	Bùi Thị Thùy	Dương	2207	030306011477	Nữ	27/02/2006	Gia Lộc - Hải Dương	Kinh		KV2-NT	16.50	8.3	0.50	25.30
6	Nguyễn Thị Thùy	Dương	2208	033305000987	Nữ	26/08/2005	Văn Lâm - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	17.00	7.3	0.50	24.80
7	Nguyễn Quỳnh	Giao	2209	001303034165	Nữ	25/03/2003	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	16.50	8.5	0.25	25.25
8	Nguyễn Tuấn	Hùng	2211	001206073135	Nam	03/04/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.50	6.9	0.00	24.40
9	Phạm Thế	Hùng	2212	020099006286	Nam	16/08/1999	Tp. Lạng Sơn - Lạng Sơn	Kinh		KV1	17.50	8.6	0.75	26.85
10	Lê Đức	Khánh	2213	001206023881	Nam	23/03/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	6.8	0.00	23.30
11	Hoàng Cảnh	Kỳ	2214	001206023117	Nam	18/02/2006	Thanh Oai - Hà Nội	Kinh		KV2	15.50	6.9	0.25	22.65
12	Tòng Khánh	Linh	2216	011300000897	Nữ	15/08/2000	Tp. Điện Biên Phủ - Điện Biên	Thái	01	KV1	16.50	8.2	2.75	27.45
13	Trần Đức	Minh	2217	001206002250	Nam	11/03/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	6.7	0.00	23.70
14	Đỗ Minh	Ngọc	2219	031306005231	Nữ	19/03/2006	Cát Hải - Hải Phòng	Kinh		KV2	15.50	8.5	0.25	24.25
15	Hoàng Yến	Như	2221	031306000332	Nữ	20/07/2006	Hồng Bàng - Hải Phòng	Kinh		KV3	17.00	8.5	0.00	25.50
16	Nguyễn Quỳnh	Như	2222	001306009701	Nữ	02/12/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh	06	KV3	16.50	9.1	1.00	26.60
17	Bùi Thị	Sâm	2226	036306004136	Nữ	23/12/2006	Văn Lâm - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	18.00	7.6	0.50	26.10
18	Nguyễn Đức	Thiện	2229	036206006075	Nam	15/05/2006	Hải Hậu - Nam Định	Kinh		KV2-NT	15.50	5.6	0.50	21.60
19	Nguyễn Anh	Thư	2230	001306001704	Nữ	24/06/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	9.2	0.00	26.20

20	Vũ Phương	Trà	2231	001306003787	Nữ	28/06/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.50	8.2	0.00	25.70
21	Dương Gia	Trang	2233	001303011757	Nữ	02/12/2003	Hà Đông - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	8.5	0.00	25.50
22	Vũ Thùy	Trang	2234	022306000339	Nữ	16/11/2006	Tp. Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh		KV2	18.00	8.9	0.25	27.15
23	Lưu Quốc	Vượng	2236	025206000950	Nam	28/09/2006	Lâm Thao - Phú Thọ	Kinh		KV2	18.00	9.1	0.25	27.35

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên Cải lương

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Đặng Hoàng Ngọc	Khánh	3301	034206012128	Nam	21/08/2006	Tp. Thái Bình - Thái Bình	Kinh		KV2	16.50	7.8	0.25	24.55
2	Đinh Thị Tú	Lan	3302	001306062680	Nữ	02/07/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	8.6	0.25	22.85
3	Đào Thị Khánh	Linh	3303	033305004748	Nữ	14/01/2005	Văn Giang - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	13.00	5.7	0.50	19.20
4	Nguyễn Việt	Long	3304	022205003875	Nam	18/11/2005	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	13.50	6.9	0.25	20.65
5	Dương Nhật	Minh	3305	001204003428	Nam	19/08/2004	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	7.7	0.00	23.20
6	Nguyễn Tuấn	Ngọc	3306	038206000300	Nam	20/05/2006	Quảng Xương - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	16.00	6.1	0.50	22.60
7	Hoàng Việt	Phong	3307	020204009235	Nam	23/02/2004	Văn Quan - Lạng Sơn	Tày	01	KV1	14.00	7.2	2.75	23.95
8	Vũ Thị	Phương	3308	027305002644	Nữ	07/01/2005	Tx. Từ Sơn - Bắc Ninh	Kinh		KV2	13.50	7.6	0.25	21.35
9	Trần Văn	Tuấn	3309	019206004465	Nam	23/04/2006	Tp. Phổ Yên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	16.00	6.0	0.25	22.25
10	Nguyễn Đặng Tùng	Dương	3311	035706009869	Nam	05/10/2006	Tp. Phù Lý - Hà Nam	Kinh		KV2	16.50	7.7	0.25	24.45
11	Nguyễn Phương	Thảo	3312	001306016828	Nữ	03/11/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	10.00	6.7	0.00	16.70

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên Chèo

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đôi tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Tuấn	An	3401	024206004934	Nam	22/11/2006	Tp. Bắc Giang - Bắc Giang	Kinh		KV2	16.00	5.9	0.25	22.15
2	Đỗ Ngọc	Anh	3402	001303039126	Nữ	24/04/2003	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh		KV2	16.00	8.3	0.25	24.55
3	Phạm Đức	Cường	3403	033206003058	Nam	26/07/2006	Tiên Lữ - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	13.00	8.4	0.50	21.90
4	Mai Thu	Giang	3404	001303012640	Nữ	20/07/2003	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	6.3	0.00	19.30
5	Nguyễn Thị Thúy	Hường	3406	024304011913	Nữ	08/10/2004	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Kinh		KV2-NT	15.50	6.8	0.50	22.80
6	Nguyễn Gia	Khánh	3408	026206012266	Nam	16/10/2006	Tp. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Kinh		KV2	18.00	7.1	0.25	25.35
7	Ngô Văn	Khoa	3409	001205004819	Nam	22/09/2005	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	8.9	0.00	23.90
8	Nguyễn Chí	Kiên	3410	038206015427	Nam	05/09/2006	Tx.Nghi Sơn - Thanh Hóa	Kinh		KV2	14.00	7.5	0.25	21.75
9	Đặng An	Nhật	3412	026206002932	Nam	05/05/2006	Tp. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Kinh		KV2-NT	17.00	6.8	0.50	24.30
10	Mạc Quỳnh	Nhi	3413	019306007397	Nữ	29/03/2006	Định Hóa - Thái Nguyên	Tày	01	KV1	13.00	8.0	2.75	23.75
11	Nguyễn Anh	Quang	3414	001206013163	Nam	07/11/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	8.5	0.00	22.50
12	Nguyễn Diễm	Quỳnh	3415	027306010907	Nữ	18/05/2006	Tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh	Kinh		KV2	17.00	8.4	0.25	25.65
13	Bùi Thị Huyền	Trang	3416	034306007417	Nữ	25/04/2006	Tp. Thái Bình - Thái Bình	Kinh		KV2	15.00	7.3	0.25	22.55
14	Nguyễn Thị Hà	Trang	3417	024304005465	Nữ	04/03/2004	Tp. Bắc Giang - Bắc Giang	Kinh		KV2	16.00	7.0	0.25	23.25
15	Nguyễn Anh	Tú	3418	019206007091	Nam	02/04/2006	Phú Lương - Thái Nguyên	Kinh		KV1	13.00	5.9	0.75	19.65
16	Đặng Minh	Châu	3419	034306002765	Nữ	27/10/2006	Vũ Thư - Thái Bình	Kinh		KV2-NT	15.00	8.5	0.50	24.00
17	Nguyễn Huy	Hoàng	3422	020204000047	Nam	27/11/2004	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Kinh		KV1	14.00	8.1	0.75	22.85
18	Nguyễn Thị Kiều	Trang	3423	034302010574	Nữ	09/11/2002	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Kinh		KV2-NT	15.00	7.8	0.50	23.30

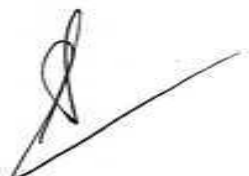
Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH




Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

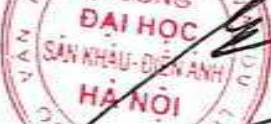
HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Nhạc công kịch hát dân tộc

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Đức	Điện	3502	034205009330	Nam	14/08/2005	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Kinh		KV2	16.00	6.4	0.25	22.65
2	Vũ Trọng	Đức	3503	001204011489	Nam	15/08/2004	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	18.00	7.4	0.00	25.40
3	Nguyễn Đăng	Dương	3504	034206012934	Nam	29/11/2006	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Kinh		KV2	16.00	6.5	0.25	22.75
4	Vũ Khánh	Dương	3505	001205027732	Nam	21/08/2005	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh		KV2	13.00	8.6	0.25	21.85
5	Đỗ Trường	Giang	3506	001203051457	Nam	11/02/2003	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh		KV2	15.00	6.6	0.25	21.85
6	Hoàng Thị Thúy	Ngân	3507	014304000020	Nữ	03/12/2004	Hoa Lư - Ninh Bình	Tày	06	KV3	16.00	6.3	1.00	23.30
7	Nguyễn Việt	Sơn	3508	001206083188	Nam	24/12/2006	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh		KV2	15.00	7.3	0.25	22.55
8	Nguyễn Đức Quang	Thành	3509	001206088745	Nam	11/03/2006	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh		KV2	16.00	8.0	0.25	24.25
9	Nguyễn Văn	Thiện	3510	034206002259	Nam	26/07/2006	Hung Hà - Thái Bình	Kinh		KV2	16.00	6.4	0.25	22.65
10	Nguyễn Đăng	Trọng	3511	027203005514	Nam	27/04/2003	Thuận Thành - Bắc Ninh	Kinh		KV2-NT	18.00	6.9	0.50	25.40
11	Vũ Thanh	Tùng	3512	019206011378	Nam	18/03/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV1	18.00	8.0	0.75	26.75

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Huấn luyện múa

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đôi tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Trần Ngọc	Diệp	2702	019305007988	Nữ	18/04/2005	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	14.67	6.7	0.25	21.62
2	Nguyễn Minh	Hải	2703	002203012011	Nam	22/08/2003	Bắc Quang - Hà Giang	Tày	06	KV2	16.00	6.9	1.25	24.15
3	Nguyễn Thu	Hiền	2704	011303008944	Nữ	28/03/2003	Tp. Điện Biên Phủ - Điện Biên	Thái	06	KV3	14.67	7.2	1.00	22.87
4	Kiên Thị Mai	Hoa	2705	066300017981	Nữ	15/06/2000	Tp. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	Ê-đê	01	KV1	14.22	6.7	2.75	23.67
5	Phạm Thị Ngọc	Huyền	2706	022303000122	Nữ	21/02/2003	Tp. Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh		KV3	15.00	6.7	0.00	21.70
6	Vũ Thị	Len	2707	036302005312	Nữ	30/08/2002	Trực Ninh - Nam Định	Kinh		KV2-NT	13.22	8.1	0.50	21.82
7	Nguyễn Hoài	Linh	2708	040303012166	Nữ	02/06/2003	Tp. Vinh - Nghệ An	Kinh		KV3	16.44	6.0	0.00	22.44
8	Nguyễn Thành	Nam	2711	001098028435	Nam	28/09/1998	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	16.89	5.3	0.00	22.19
9	La Thị Hồng	Nhung	2712	004303003729	Nữ	05/09/2003	Trùng Khánh - Cao Bằng	Tày	06	KV2	15.89	7.1	1.25	24.24
10	Đỗ Đăng	Tiến	2715	001204041173	Nam	26/08/2004	Đan Phượng - Hà Nội	Kinh		KV3	15.67	7.1	0.00	22.77
11	Lê Ngọc	Tiêu	2716	084199006128	Nữ	04/07/1999	Cầu Kè - Trà Vinh	Kinh		KV1	16.11	8.3	0.75	25.16

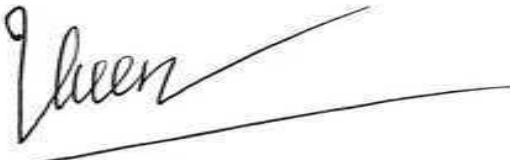
Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


Ths. Trịnh Thị Huyền Trang


TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền


HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)
Ngành / Chuyên ngành: Biên đạo múa

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Hương	Giang	2604	024305001956	Nữ	11/10/2005	Tp. Bắc Giang - Bắc Giang	Tày	06	KV3	14.33	6.8	1.00	22.13
2	Lê Thanh	Hằng	2606	001304029581	Nữ	06/11/2004	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.3	0.00	21.30
3	Hà Đạo	Hoàng	2608	019097004779	Nam	14/09/1997	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	16.22	6.5	0.25	22.97
4	Trịnh Thái	Nhi	2609	001196006636	Nữ	19/07/1996	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	6.5	0.00	22.50
5	Nguyễn Công	Phương	2611	019093013384	Nam	28/09/1993	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	15.67	5.5	0.25	21.42
6	Nguyễn Thu	Phương	2612	015198007313	Nữ	18/09/1998	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	7.2	0.00	22.20
7	Đinh Văn	Thắng	2614	014093009276	Nam	15/11/1993	Phù Yên - Sơn La	Mường	01	KV1	15.67	5.0	2.75	23.42
8	Tài Quang	Thành	2615	002206000106	Nam	12/03/2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nùng	06	KV3	15.00	7.6	1.00	23.60
9	Nguyễn Hoài	Thu	2616	001306016541	Nữ	01/05/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	6.4	0.00	20.40
10	Đặng Phương	Trang	2617	001305023575	Nữ	24/10/2005	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	16.22	7.8	0.00	24.02
11	Lê Thùy	Trang	2618	001306015268	Nữ	17/08/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	13.89	6.3	0.00	20.19

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Biên đạo múa đại chúng

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Lê Hà	Anh	2803	001306018640	Nữ	17/06/2006	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	15.56	8.0	0.00	23.56
2	Nghiêm Hà	Anh	2805	001306025059	Nữ	29/01/2006	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	14.00	7.1	0.00	21.10
3	Nguyễn Thị Tâm	Anh	2809	037306005272	Nữ	08/05/2006	Tp. Ninh Bình - Ninh Bình	Kinh		KV2	15.67	8.0	0.25	23.92
4	Nguyễn Tuấn	Anh	2812	027206004882	Nam	15/08/2006	Tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh	Kinh		KV2	15.00	8.8	0.25	24.05
5	Phạm Việt	Anh	2813	036205006867	Nam	13/10/2005	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	14.33	6.8	0.00	21.13
6	Quách Thành	Chung	2817	017206001523	Nam	26/06/2006	Lạc Sơn - Hoà Bình	Mường	01	KV1	14.67	8.4	2.75	25.82
7	Hà Quốc	Cường	2818	019205003034	Nam	27/05/2005	Đại Từ - Thái Nguyên	Nùng	06	KV2	14.67	6.4	1.25	22.32
8	Nguyễn Hoàng	Danh	2819	020204007572	Nam	28/03/2004	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Tày	01	KV1	15.00	6.8	2.75	24.55
9	Nguyễn Thị Minh	Diệp	2821	067306000030	Nữ	06/05/2006	Đắk Song - Đắk Nông	Kinh		KV2-NT	14.00	7.5	0.50	22.00
10	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	2823	001306066590	Nữ	04/06/2006	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh		KV2	15.67	9.0	0.25	24.92
11	Nguyễn Trà	Giang	2825	019306005511	Nữ	19/06/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Kinh		KV2	16.00	8.4	0.25	24.65
12	Đỗ Thị Thu	Hà	2826	025305002398	Nữ	22/08/2005	Hạ Hòa - Phú Thọ	Kinh		KV2-NT	15.00	7.5	0.50	23.00
13	Nguyễn Thúy	Hằng	2828	001306060106	Nữ	05/02/2006	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh		KV3	14.33	7.9	0.00	22.23
14	Trần Quỳnh	Hoa	2830	001305017241	Nữ	26/03/2005	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	8.0	0.25	22.25
15	Phạm Thị Hải	Hường	2834	022302005988	Nữ	08/01/2002	Vân Đồn - Quảng Ninh	Kinh		KV2	14.00	8.6	0.25	22.85
16	Vũ Trang	Khanh	2835	001306001066	Nữ	15/05/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	6.4	0.00	21.40
17	Đinh Ngọc Diệu	Linh	2838	068306009602	Nữ	22/07/2006	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh		KV3	13.00	8.2	0.00	21.20
18	Nguyễn Huyền	Linh	2840	001306056920	Nữ	29/04/2006	Ba Vì - Hà Nội	Mường	01	KV1	15.00	7.4	2.75	25.15
19	Nguyễn Thùy	Linh	2844	038303010070	Nữ	28/09/2003	Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Kinh		KV2-NT	13.00	9.1	0.50	22.60
20	Vương Mai	Ly	2846	001304027199	Nữ	18/09/2004	Thường Tín - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	7.7	0.25	21.95
21	Nguyễn Quỳnh	Nga	2851	001304026569	Nữ	16/06/2004	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	14.67	8.3	0.25	23.22

22	Nguyễn Bích Ngọc	2853	031306013837	Nữ	02/01/2006	An Dương - Hải Phòng	Kinh		KV2	14.00	8.3	0.25	22.55
23	Tạ Như Phương	2861	026306005028	Nữ	20/08/2006	Tp. Việt Trì - Phú Thọ	Kinh		KV2	16.00	8.1	0.25	24.35
24	Dương Thúy Quỳnh	2864	035305002691	Nữ	07/02/2005	Tp. Sông Công - Thái Nguyên	Kinh		KV2	14.00	8.3	0.25	22.55
25	Phạm Thanh Thảo	2865	001304019973	Nữ	26/03/2004	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh		KV3	14.33	7.5	0.00	21.83
26	Dương Minh Thư	2867	001306034727	Nữ	17/05/2006	Ba Vì - Hà Nội	Kinh		KV3	14.67	8.0	0.00	22.67
27	Nguyễn Thanh Thúy	2869	025306013907	Nữ	19/08/2006	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	14.67	8.2	0.25	23.12
28	Đinh Thảo Trang	2875	001303004293	Nữ	25/08/2003	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	7.7	0.25	21.95
29	Nguyễn Thu Trang	2878	001304008571	Nữ	20/07/2004	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh		KV2	14.00	8.1	0.25	22.35
30	Lưu Hoàng Trung	2880	040098011726	Nam	11/03/1998	Tp. Vinh - Nghệ An	Kinh		KV2	15.00	6.7	0.25	21.95
31	Đinh Văn Vũ	2884	025206001366	Nam	07/07/2006	Yên Lập - Phú Thọ	Mường	01	KV1	14.00	8.0	2.75	24.75
32	Mai Thị Thanh Xuân	2886	037306003186	Nữ	15/02/2006	Gia Viễn - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	13.00	5.9	0.50	19.40
33	Đỗ Thị Hải Yến	2887	033305006423	Nữ	14/03/2005	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	14.00	7.7	0.50	22.20

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi



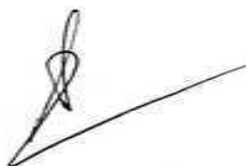
DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đổi tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Văn	An	2301	001306008509	Nữ	31/10/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	6.7	0.00	23.70
2	Đào Nhật	Anh	2303	033306003389	Nữ	25/10/2006	Văn Lâm - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	15.00	8.0	0.50	23.50
3	Đỗ Phương	Anh	2304	033306005025	Nữ	04/12/2006	Văn Giang - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	16.50	7.7	0.50	24.70
4	Nguyễn Ngọc Quý	Anh	2307	001206013198	Nam	07/07/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	7.2	0.00	23.20
5	Đào Thị Nguyệt	Ánh	2308	026306009945	Nữ	05/01/2006	Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Kinh		KV2-NT	16.00	8.1	0.50	24.60
6	Nguyễn Khánh	Chi	2313	001306005238	Nữ	30/11/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.7	0.00	24.20
7	Nguyễn Thị Kim	Chi	2315	037304003681	Nữ	20/02/2004	Yên Khánh - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	16.00	7.5	0.50	24.00
8	Nguyễn Phong	Đạt	2316	022205002015	Nam	04/06/2005	Tx. Đồng Triều - Quảng Ninh	Kinh		KV2	16.50	7.7	0.25	24.45
9	Ngô Thị Hương	Giang	2321	038306022902	Nữ	07/04/2006	Quảng Xương - Thanh Hoá	Kinh		KV2	16.50	8.8	0.25	25.55
10	Lê Văn	Hà	2324	038306030516	Nữ	31/03/2006	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2	15.00	7.8	0.25	23.05
11	Dương Minh	Hằng	2325	033306002079	Nữ	25/09/2006	Khoái Châu - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	17.00	8.6	0.50	26.10
12	Trần Ngọc Giáng	Hương	2328	001305017418	Nữ	23/12/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.7	0.00	24.20
13	Phan Nguyễn Quốc	Huy	2329	035206003057	Nam	25/09/2006	Tp. Phú Lý - Hà Nam	Kinh		KV2	16.00	7.9	0.25	24.15
14	Ong Kim	Khánh	2334	001305013578	Nữ	10/11/2005	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.9	0.00	24.40
15	Ngô Bằng	Linh	2338	001306011808	Nữ	15/10/2006	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	8.3	0.00	24.80
16	Nguyễn Thị Khánh	Linh	2339	001305028560	Nữ	12/03/2005	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	8.1	0.00	23.60
17	Lê Thị Bích	Ngọc	2345	038305007018	Nữ	06/06/2005	Tp. Sầm Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2	15.00	7.9	0.25	23.15
18	Lê Nguyễn Nguyệt	Nhi	2349	001306069262	Nữ	14/09/2006	Mé Linh - Hà Nội	Kinh		KV2	16.50	7.6	0.25	24.35
19	Lê Nguyễn Yến	Nhi	2350	038306029233	Nữ	03/06/2006	Thịệu Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	15.00	8.2	0.50	23.70
20	Nguyễn Yến	Nhi	2351	038306002750	Nữ	18/05/2006	Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá	Kinh		KV2	16.00	7.7	0.25	23.95

21	Đỗ Thanh	Thảo	2357	036301009047	Nữ	28/06/2001	Trực Ninh - Nam Định	Kinh		KV2-NT	16.00	8.4	0.50	24.90
22	Lê Anh	Thư	2358	038306016458	Nữ	12/10/2006	Triệu Sơn - Thanh Hoá	Kinh		KV2-NT	15.00	8.6	0.50	24.10
23	Nguyễn Thủy	Tiên	2360	001306001184	Nữ	19/02/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	8.2	0.00	24.20
24	Nguyễn Phương	Trang	2364	019305009287	Nữ	19/06/2005	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Tây	06	KV2	16.50	7.1	1.25	24.85
25	Lưu Tiến	Trung	2365	019206010008	Nam	22/05/2006	Tp. Thái Nguyên - Thái Nguyên	Tây	06	KV2	15.00	8.0	1.25	24.25
26	Phạm Đức	Tuấn	2366	037206002175	Nam	13/04/2006	Nho Quan - Ninh Bình	Kinh		KV2-NT	15.00	6.1	0.50	21.60
27	Đỗ Hà	Vy	2368	001305019719	Nữ	16/09/2005	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	15.50	7.5	0.00	23.00

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa kỹ xảo

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Dương Minh	Anh	2402	022306003604	Nữ	31/10/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	16.00	7.1	0.25	23.35
2	Mai Phương	Anh	2406	022306004985	Nữ	17/12/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	15.00	8.4	0.25	23.65
3	Nguyễn Phạm Nguyệt	Anh	2407	001306025938	Nữ	15/08/2006	Ba Đình - Hà Nội	Mường	06	KV3	17.00	8.3	1.00	26.30
4	Nguyễn Quang	Anh	2408	001206008773	Nam	03/12/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	9.1	0.00	25.60
5	Phạm Đồng Minh	Anh	2409	001203039960	Nam	02/12/2003	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	6.3	0.00	22.80
6	Phạm Minh	Anh	2410	030306010359	Nữ	15/10/2006	Tp. Hải Dương - Hải Dương	Kinh		KV2	16.50	7.8	0.25	24.55
7	Nguyễn Vinh	Duy	2415	026206002208	Nam	23/01/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	8.3	0.00	24.30
8	Trần Thu	Hà	2419	001306052430	Nữ	09/08/2006	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	9.1	0.00	25.10
9	Vũ Lê Ngân	Hà	2420	022306012059	Nữ	27/10/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	16.00	8.5	0.25	24.75
10	Phạm Thị Thúy	Hiền	2423	022306005144	Nữ	06/12/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV2	16.50	8.8	0.25	25.55
11	Chu Lê Phương	Linh	2426	001305009762	Nữ	07/07/2005	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.5	0.00	24.00
12	Nguyễn Khánh	Linh	2427	034306007950	Nữ	24/05/2006	Đông Hưng - Thái Bình	Kinh		KV2-NT	15.50	9.2	0.50	25.20
13	Nguyễn Vũ Tiến	Nam	2434	001206001521	Nam	23/03/2006	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	7.8	0.00	23.80
14	Phan Thị Thanh	Nga	2435	026306000814	Nữ	23/01/2006	Tam Dương - Vĩnh Phúc	Kinh		KV2-NT	16.00	8.8	0.50	25.30
15	Nguyễn Thị Kim	Ngân	2436	033306012589	Nữ	23/01/2006	Tp. Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh		KV1	17.00	8.5	0.75	26.25
16	Nguyễn Lan	Phương	2442	001306024256	Nữ	09/09/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	16.50	7.9	0.00	24.40
17	Mạc Như	Quỳnh	2444	002306007247	Nữ	26/11/2006	Bắc Quang - Hà Giang	Kinh		KV1	16.00	8.0	0.75	24.75
18	Nguyễn Thị	Thơm	2446	001306065294	Nữ	16/11/2006	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh		KV2	16.50	7.2	0.25	23.95
19	Nguyễn Phương	Thùy	2449	001305024041	Nữ	18/04/2005	Tx. Sơn Tây - Hà Nội	Kinh		KV2	15.00	7.8	0.25	23.05
20	Cao Quỳnh	Trang	2453	001306015467	Nữ	15/12/2006	Văn Giang - Hưng Yên	Kinh		KV2-NT	16.00	6.7	0.50	23.20

21	Hoàng Phương	Trang	2454	010306007347	Nữ	10/01/2006	Tp. Lào Cai - Lào Cai	Kinh		KV2	16.50	8.4	0.25	25.15
22	Nguyễn Hoàng Kiều	Trang	2455	024306005771	Nữ	31/10/2006	Tp. Bắc Giang - Bắc Giang	Kinh		KV2	15.00	5.7	0.25	20.95
23	Nguyễn Huyền	Trang	2456	038306000782	Nữ	23/10/2006	Thị xã Hóa - Thanh Hóa	Kinh		KV2-NT	17.00	8.9	0.50	26.40
24	Trịnh Thị Thủy	Tú	2458	001304022611	Nữ	22/11/2004	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	15.00	9.0	0.00	24.00
25	Đỗ Ngọc	Hà	2466	001306030958	Nữ	23/04/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	8.0	0.00	24.00

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền



PGS.TS Nguyễn Đình Thi



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Nghệ thuật hóa trang

TT	Họ và tên thí sinh		SBD	CMND/CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Dân tộc	Đối tượng	Khu vực	Điểm			Tổng điểm
											Chuyên môn nhân 2	Văn	Ưu tiên	
1	Nguyễn Huyền	Anh	2503	001304017946	Nữ	27/05/2004	Tây Hồ - Hà Nội	Kinh		KV3	17.33	7.0	0.00	24.33
2	Nguyễn Trâm	Anh	2505	001306014584	Nữ	25/10/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	8.8	0.00	25.80
3	Nguyễn Vũ Hồng	Anh	2506	001303010285	Nữ	04/12/2003	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.33	7.2	0.00	23.53
4	Trương Ngọc	Anh	2508	001306018706	Nữ	19/06/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	8.4	0.00	25.40
5	Nguyễn Tiến	Đạt	2512	001205013068	Nam	14/07/2005	Thanh Xuân - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	7.6	0.00	24.60
6	Phạm Quốc	Đạt	2513	001205049289	Nam	12/11/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	16.67	8.1	0.00	24.77
7	Bùi Quý	Dương	2514	001205003639	Nam	17/06/2005	Long Biên - Hà Nội	Kinh		KV2	16.00	5.9	0.25	22.15
8	Nguyễn Nhật	Hạ	2516	001306022624	Nữ	26/09/2006	Cầu Giấy - Hà Nội	Kinh		KV3	17.33	7.7	0.00	25.03
9	Đào Nghĩa	Hiệp	2522	034204000629	Nam	14/01/2004	Tp. Thái Bình - Thái Bình	Kinh		KV2	17.00	7.2	0.25	24.45
10	Trần Minh	Hiếu	2523	037206000035	Nam	20/04/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	7.2	0.00	24.20
11	Đỗ Diệu	Hoa	2524	031305011878	Nữ	10/01/2005	Hải An - Hải Phòng	Kinh		KV3	17.00	8.1	0.00	25.10
12	Bùi Tuấn	Hưng	2525	001206072580	Nam	24/02/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV2	17.00	6.8	0.25	24.05
13	Nguyễn Diệu	Linh	2527	025305004096	Nữ	21/05/2005	Tp. Yên Bái - Yên Bái	Kinh		KV1	16.00	6.4	0.75	23.15
14	Nguyễn Gia	Linh	2528	001306035723	Nữ	18/05/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.33	7.7	0.00	25.03
15	Lục Phương	Mai	2532	004306001268	Nữ	22/05/2006	Tp. Cao Bằng - Cao Bằng	Tày	01	KV1	16.67	7.2	2.75	26.62
16	Nguyễn Ngọc Ban	Mai	2533	001306002496	Nữ	15/06/2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kinh		KV3	15.67	7.7	0.00	23.37
17	Nguyễn Nhật	Minh	2534	001206034395	Nam	25/11/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.33	7.4	0.00	23.73
18	Nguyễn Bùi Hà	My	2535	001306021039	Nữ	06/06/2006	Phúc Thọ - Hà Nội	Kinh		KV2	17.33	7.9	0.25	25.48
19	Lại Nguyễn Linh	Ngân	2536	066306000268	Nữ	17/01/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	8.9	0.00	25.90
20	Bùi Thị	Nhung	2539	001306061183	Nữ	11/04/2006	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.00	7.3	0.00	23.30

21	Nguyễn Mai	Phương	2542	024306014638	Nữ	30/12/2006	Tp. Bắc Giang - Bắc Giang	Kinh		KV2	15.67	7.7	0.25	23.62
22	Vũ Song	Quang	2544	030206001675	Nam	15/02/2006	Kim Thành - Hải Dương	Kinh		KV2-NT	15.67	8.0	0.50	24.17
23	Nguyễn Tôn	Quyên	2545	001306029244	Nữ	29/11/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	6.9	0.00	23.90
24	Trần Đức	Thắng	2547	001202027724	Nam	30/08/2002	Hoàng Mai - Hà Nội	Kinh		KV3	16.67	6.5	0.00	23.17
25	Đặng Thanh	Thào	2548	001302011778	Nữ	20/09/2002	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.67	7.7	0.00	24.37
26	Bùi Dương Thủy	Tiên	2550	017306001803	Nữ	01/08/2006	Cao Phong - Hoà Bình	Tây	01	KV1	16.33	8.1	2.75	27.18
27	Nguyễn Phương	Trang	2552	001305015994	Nữ	14/07/2005	Đống Đa - Hà Nội	Kinh		KV3	16.33	8.0	0.00	24.33
28	Hoàng Minh	Tú	2554	001306012952	Nữ	27/10/2006	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	17.33	8.3	0.00	25.63
29	Hoàng Hà	Vi	2556	001305005571	Nữ	18/03/2005	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Kinh		KV3	17.00	7.1	0.00	24.10
30	Phạm Minh	Vũ	2557	010205001858	Nam	29/11/2005	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	17.33	7.5	0.00	24.83
31	Nguyễn Khánh	Vy	2558	001306002391	Nữ	21/06/2006	Ba Đình - Hà Nội	Kinh		KV3	16.67	8.6	0.00	25.27

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

